

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng 12

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 3-4/12/2025

Ngày cung cấp TT: 5/12/2025

3. Tình trạng hoạt động của các công khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của công
1	1	Cổng Như Trác	Cổng đóng.
2	2	Cổng Hữu Bị	Cổng đóng.
3	3	Cổng Cốc Thành	Cổng đóng.
4	4	Cổng sông Chanh	Cổng đóng.
5	5	Cổng Nhâm Trảng	Cổng đóng.
6	6	Cổng Kinh Thanh	Cổng đóng.
7	7	Cổng Cổ Đàm	Cổng đóng.
8	8	Cổng Vĩnh Trị	Cổng đóng.
9	11	Cầu đường 10 với sông Sắt	
10	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đập đóng.
11	13	Đầu kênh CG16	Công mở.
12	15	Đầu kênh S17	Công mở.
13	16	Đập Vua (CG12)	Cổng đóng.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 20 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Chi cục thủy lợi Ninh Bình.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Cống Như Trác, Cống Hữu Bị, Cống Cốc Thành, Cống Nhâm Tráng, Cống 3-2, Đập Vũa (CG12).

B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Các vị trí đạt giới hạn trên, Cống Sông Chanh, Cống Kinh Thanh, Cống Cỗ Dam, Cống Vĩnh Trị, Đầu kênh T3, Cầu đường 10 với sông Sắt, Đập An Bài (sông Châu Giang), Đầu kênh CG 16, Đầu kênh S17, Cầu Chũ (sông Châu Giang), Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy), Bể hút trạm bơm Quỳ Độ, Đầu kênh T5.

C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: Các vị trí đạt giới hạn trên, Đầu kênh C9.

D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: Các vị trí đạt giới hạn trên.

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
1	Cổng Như Trác	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 82%, gió Nam 3 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng, mực nước ngoài sông cao hơn nội đồng. Trên mặt nước có váng tảo. Nước màu xanh lục.	7.6	32	6.21	0.3	0.270	1.805	432	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
2	Cổng Hữu Bị	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 84%, gió ĐN 4 km/h. Không có dòng chảy. Cống đóng, mực nước nội đồng thấp hơn ngoài sông. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.	7.8	31	6.18	0.3	0.277	8.261	418	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
3	Cổng Cốc	Kiểm tra chất lượng nước hệ	Trời nhiều mây, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 96%,	7.9	36	6.28	0.3	0.149	9.581	580	Các chỉ tiêu

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	Thành	thông kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.	gió ĐN 3 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Trạm bơm không hoạt động. Mực nước nội đồng thấp hơn ngoài sông. Nước màu vàng lục.								quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
4	Cống Sông Chanh	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 93%, gió ĐN 3 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước nội đồng thấp hơn ngoài sông. Nước màu vàng lục.	7.9	14	5.69	0.4	0.169	9.343	858	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
5	Cống Nhâm Trảng	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Trảng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên,	Trời nhiều mây, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 70%, gió ĐB 5 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước nội đồng thấp hơn ngoài sông. Trạm bơm không hoạt động. Hạ	7.96	13	6.28	0.3	0.106	4.178	430	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức A

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trắc.	lưu công đang chặn dòng. Nước màu vàng lục.								
6	Cổng Kinh Thanh	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 70%, gió ĐB 5 km/h. Không có dòng chảy, công đóng, mực nước ngoài sông cao hơn nội đồng. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.	7.05	19	5.7	0.2	0.123	4.524	360	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
7	Cổng Cổ Đam	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cổ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên	Trời nhiều mây, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 69%, gió ĐB 5 km/h. Không có dòng chảy. Công đóng, mực nước ngoài sông cao hơn nội đồng. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.	7.82	20	5.9	0.2	0.098	4.889	383	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
			QCVN 08:2023 - A	6.5 – 8.5		≥ 6					
			QCVN 08:2023 - B	6 – 8.5		≥ 5					
			QCVN 08:2023 - C	6 – 8.5		≥ 4					
			QCVN 08:2023 - D	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
8	Cổng Vĩnh Trị	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 89%, gió ĐN 3 km/h. Không có dòng chảy. Cổng đóng, mực nước ngoài sông cao hơn nội đồng. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.	7.1	28	5.46	0.2	0.138	7.463	367	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
9	Đầu kênh T3	Kiểm tra chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 95%, gió ĐN 3 km/h. Dòng chảy chậm hướng từ ngã ba sông Chanh vào. Nước màu xám lục.	7.55	15	5.29	0.4	0.460	7.126	861	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
10	Đầu kênh C9	Kiểm tra chất lượng nước tưới tiêu kết hợp và nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các	Trời nhiều mây, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 95%, gió ĐN 3 km/h. Không có dòng chảy, nước đứng. Nước màu xám lục.	8.04	19	4.72	1.8	3.870	11.741	1900	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			QCVN 08:2023 - A	6.5 – 8.5		≥ 6					
			QCVN 08:2023 - B	6 – 8.5		≥ 5					
			QCVN 08:2023 - C	6 – 8.5		≥ 4					
			QCVN 08:2023 - D	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.									
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Kiểm tra chất lượng nước sông Sắt, tước tiêu kết hợp khu vực phía nam huyện Ý Yên.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 89%, gió ĐN 3 km/h. Không có dòng chảy, nước đứng. Nước màu vàng lục.	7.24	31	5.42	0.2	0.875	3.653	389	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tước tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 78%, gió TN 4 km/h. Không có dòng chảy. Đập đóng, mực nước sông Châu Giang cao hơn sông Sắt. Nước màu xanh lục.	7.18	46	5.67	0.3	0.876	3.177	452	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
13	Đầu kênh CG 16	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tước tiêu kết hợp và nhận nước thải	Trời nhiều mây, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 82%, gió Nam 3 km/h. Không có dòng chảy, mực nước cạn, cống	7.43	52	5.78	0.3	0.876	4.596	621	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni N (mg/l)	Nitrat N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		từ KCN Hòa Hậu.	mở. Đang nạo vét phía thượng lưu cống. Nước màu vàng đục.								B
14	Cống 3-2	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 85%, gió ĐN 4 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Có hiện tượng phủ dưỡng, trên mặt nước có váng tảo. Nước màu xanh lục.	7.21	37	6.12	0.3	0.591	4.105	528	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
15	Đầu kênh S17	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới, tiêu nông nghiệp huyện Ý Yên.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 70%, gió ĐB 5 km/h. Không có dòng chảy, nước đứng, cống mở. Có hiện tượng phủ dưỡng, trên mặt nước có nhiều bèo tấm. Nước màu xanh lục.	7.49	43	5.13	0.3	2.188	8.262	632	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
16	Đập Vua (CG12)	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 82%, gió Nam 3 km/h.	7.52	47	6.38	0.3	0.534	1.944	517	Chỉ tiêu quan trắc hiện

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Huyện Lý Nhân.	Không có dòng chảy, cống đóng, mực nước ngoài sông cao hơn. Trên mặt nước có váng tảo. Nước màu xanh lục.								trường DO không đạt mức A
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân.	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 81%, gió TN 3 km/h. Không có dòng chảy, nước đứng. Nước có hiện tượng phú dưỡng, màu xanh lục.	7.21	36	5.38	0.3	0.931	2.883	429	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 69%, gió ĐB 5 km/h. Dòng chảy rất chậm về hướng Cổ Đam. Nước màu vàng lục.	7.69	13	5.64	0.3	0.106	3.315	440	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
19	Bể hút trạm bơm Quý Độ	Kiểm tra chất lượng nước tại trạm bơm Quý Độ.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 70%, gió ĐB 5 km/h. Không có dòng chảy. Cống đóng. Mức nước ngoài sông cao hơn nội đồng. Nước màu vàng lục.	7.18	28	5.46	0.2	0.640	6.436	367	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
20	Đầu kênh T5	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho khu vực huyện Vụ Bản.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 87%, gió ĐN 3 km/h. Không có dòng chảy, nước đứng. Trên mặt kênh có bèo. Nước màu vàng lục.	7.23	32	5.42	0.3	0.286	9.042	479	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Bắc Nam Hà;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Ninh Bình;
- Lãnh đạo Viện;
- Lưu VT, phòng TN&TVQLCLN,MT.

Hà Nội, ngày 5 tháng 12 năm 2025

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Đào Ngọc Tuấn